

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T. PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 189/2018/DS-PT
Ngày 31- 7-2018

V/v Yêu cầu chia tài sản chung
và đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T. PHỐ HÀ NỘI**

- T. *phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiến Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Viết Văn**

Bà **Nguyễn Thu Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Thu H.g** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân T. phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân T. phố Hà Nội:* Bà **Trần Thị Ngoan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân T. phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 về: Yêu cầu chia tài sản chung và đòi quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện D.Pg, T. phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2018 /QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **T.T.Cg**, sinh năm 1947. (*Vắng mặt*)

Trú tại: Cụm 4, xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C.g: anh L.V.Bh (văn bản ủy quyền số chứng thực 132, quyển số 01-SCT/HĐ,GD lập ngày 24/7/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C.g: Luật sư L.V.Bh, Công ty luật TNHH Việt Tâm, Đoàn Luật sư T. phố Hà Nội. (*Có mặt*)

Bị đơn: Anh **H.N.Vn**, sinh năm 1976. (*Có mặt*)

Trú tại: Cụm 4, xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh V.n: Anh P.H.Kn, sinh năm 1980, trú tại: Đô Thị D.Th, xã T.T.O, huyện T.Tr, T.P Hà Nội. (Giấy uỷ quyền số công chứng

705/2017/GUQ lập ngày 04/5/2017).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh V.n: Luật sư P.H.Kn, Công ty Luật TNHH cán cân Việt, Đoàn Luật sư T. phố Hà Nội. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị **H.T.Hg**, sinh năm 1982. *(Vắng mặt)*

Trú tại: Cụm 3, xã V.Nm, huyện P.Tj, T. phố Hà Nội.

- Chị **H.T.Th**, sinh năm 1985. *(Có mặt)*

Trú tại: Cụm 4, xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

- Chị **H.T.Yn**, sinh năm 1988. *(Có mặt)*

Trú tại: Cụm 7, xã T.A, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

- Chị **H.T.Lh**, sinh năm 1992. *(Vắng mặt)*

Trú tại: Cụm 8, xã T.A, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

- Chị **T.T.He**, sinh năm 1976. *(Có mặt)*

Trú tại: Cụm 4, xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

- Anh **H.T.Dg**, sinh năm 1968. *(Vắng mặt)*

Trú tại: Cụm 4, xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền cho a.Dg: Chị T.T.H.Ng, sinh năm 1996, số chứng thực: 07/2018; quyền số: 02/SCT/CK,CD. *(Có mặt)*

- Chị **H.T.Pg**, sinh năm 1973. *(Vắng mặt)*

Trú tại: Cụm 1, xã T.A, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

- Chị **H.T.Hn**, sinh năm 1964. *(Có mặt)*

Trú tại: Thôn P.Mc, xã P.Dh, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

- Chị **H.T.Nj**, sinh năm 1971. *(Có mặt)*

Trú tại: Số 108 ngõ Chấn 5, đường T.Pu, phường H.Bg, quận H.Km, T. phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền cho c.Hn, c.Nj: Anh P.H.Kn, sinh năm 1980, trú tại: Đô Thị D.Th, xã T.T.O, huyện T.Tr, T.P Hà Nội. (Giấy uỷ quyền số công chứng 706/2017/GUQ lập ngày 04/5/2017).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho c.Hn, c.Nj: Luật sư P.H.Kn, Công ty Luật TNHH cán cân Việt, Đoàn luật sư T. phố Hà Nội. *(Có mặt)*

Người kháng cáo anh H.N.Vn, anh H.T.Dg, chị H.T.Hn, chị H.T.Nj.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2016 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn là bà T.T.Cg trình bày:

Năm 1981 bà kết hôn với ông H.V.Ch. (chết năm 2004). Trước khi kết hôn với bà, o.C. có vợ là bà L.T.S (chết năm 1980). B.S. chết, o.C. lấy bà.

+ O.C. và b.S. sinh được 05 người con là: H.T.Hn, H.T.Dg, H.T.N., H.T.Pg và H.N.Vn.

+ O.C. và bà sinh được 04 người con là: H.T.Hg, H.T.Th, H.T.Yn và H.T.Lh.

- Về tài sản chung vợ chồng:

+ Năm 1984 vợ chồng bà ở riêng xây được 04 gian nhà ngói cấp bốn trên đất thổ cư thửa số 284, tờ bản đồ 03, diện tích 290m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1987 mang tên H.V.Ch. tại cụm 4, xã T.Xn, huyện D.Pg. Nguồn gốc đất là của cụ H.V.Nj (bố o.C.) cho vợ chồng. Các con riêng của o.C. ở cùng với c.Ngj trên thửa đất chỗ khác.

+ Về đất nông nghiệp: Bà và o.C. cùng các con được nhà nước giao 360m² đất rau xanh (đất 5%) liền kề với thửa đất thổ cư. Năm 2000 anh H.N.Vn lấy vợ, do chưa có chỗ ở nên đã tự sử dụng 86,9m² (nằm trong tổng số 360m² đất rau xanh) để xây nhà. Đất rau xanh 360m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình được Nhà nước giao quyền sử dụng đất nông nghiệp gồm 02 thửa đất: Thửa tại Đạc 4, diện tích 864m². Thửa tại Đạc 7, diện tích 461m². Cả hai thửa đất đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 mang tên hộ ông H.V.Ch..

Nhà, đất thổ cư bà đang quản lý, sử dụng. Đất rau xanh anh V.n cùng vợ con anh đang ở. Vợ chồng bà không nợ ai và cũng không còn tài sản gì khác. Bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của bà với o.C. và đòi quyền sử dụng đất đối với các tài sản nêu trên.

Ngày 24/01/2016 bà có đơn sửa đổi, rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện: Phần diện tích đất rau xanh, diện tích đất nông nghiệp bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu chia và công nhận cho bà được quyền sử dụng 1/2 diện tích đất thổ cư 290m² cùng các tài sản trên đất.

**Bị đơn anh H.N.Vn trình bày như sau:*

Anh là con o.C., b.S.. Sau khi b.S. chết, o.C. kết hôn với bà C.g. Về nguồn gốc đất ở bà C.g yêu cầu chia là của c.Ngj (ông nội anh) cho o.C.. Nhà và các công trình trên đất là do o.C., bà C.g cùng làm. Đất rau xanh và đất nông nghiệp được nhà nước giao chung cho cả hộ, o.C. là chủ hộ đại diện. Đất rau xanh vợ chồng anh đã làm nhà một phần, hiện nay vợ chồng anh cùng các con đang ở.

Ngày 03/01/2016 bà C.g có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của bà với o.C. và đòi quyền sử dụng đất. Anh không đồng ý chia vì đó là nguồn gốc đất tổ tiên. Ngày 24/01/2016 bà C.g sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất thổ cư. Về diện tích đất rau xanh, đất nông nghiệp bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh không có ý kiến gì, không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Chị N., chị P.g trình bày:* Chị là con của o.C., b.S.. Sau khi b.S. chết, o.C. lấy bà C.g. Nguồn gốc thửa đất thổ cư bà C.g đang ở là của c.Ngj cho. Khoảng năm 1986 o.C., bà C.g ở riêng, xây nhà. Nhà cùng các công trình là do o.C. bà C.g xây dựng, các chị không có liên quan gì. Theo chị N.: bà C.g cứ tiếp tục ở, canh tác không ai có ý kiến gì. Theo chị P.g đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

- *C.Hn, a.Dg trình bày:* Anh chị là con của o.C., b.S.. Anh chị đồng ý để bà C.g ở và không chia đất.

- *Chị H.g, chị T., c.Yn, c.Lh trình bày:* Các chị là con của o.C., bà C.g. Từ nhỏ cho đến khi lấy chồng các chị ở trên nhà đất thổ cư cùng với o.C., bà C.g. Các con riêng của o.C. ở với c.Ngj. Các chị cũng không có công sức gì đối với tài sản chung của o.C., bà C.g. Bà C.g có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà đất thổ cư, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà. Các chị không có yêu cầu độc lập.

Bản án số 05/2017/DSST ngày 25/4/2017 Tòa án nhân dân huyện D.Pg, T. phố Hà Nội đã xử:

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp của bà T.T.Cg đối với anh H.N.Vn.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà T.T.Cg yêu cầu chia tài sản chung của bà với ông H.V.Ch.. Xác định diện tích 290m² đất thổ cư tại thửa số 282 tờ bản đồ số 3 Cụm 4 xã T.Xn, huyện D.Pg đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1987 mang tên H.V.Ch. cùng 04 gian nhà cấp bốn và các công trình, cây cối nằm trên đất là tài sản chung của ông H.V.Ch. và bà T.T.Cg, chia:

Bà T.T.Cg được hưởng 145m² đất thổ cư cùng các tài sản trên đất thuộc phía Tây Bắc của thửa đất số 282, tờ bản đồ số 3 tại Cụm 4 xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội. Phần diện tích 145m² đất còn lại cùng các tài sản trên đất thuộc phía Đông Nam của thửa đất số 282 tờ bản đồ số 3 tại Cụm 4 xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội là của ông H.V.Ch.

Giao bà T.T.Cg tạm thời quản lý di sản của ông H.V.Ch. là diện tích 145m² đất thổ cư cùng các tài sản trên đất thuộc phía Đông Nam của thửa đất số 282 tờ bản đồ số 3 tại Cụm 4 xã T.Xn, huyện D.Pg, T. phố Hà Nội cho đến khi người có quyền hưởng di sản thừa kế của o.C. yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh H.N.Vn, anh H.T.Dg, chị H.T.Hn, chị H.T.Nj có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ khác. Các đương sự không thỏa thuận để giải quyết vụ án. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn phát biểu quan điểm: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã xác định được thửa đất đang tranh chấp là tài sản chung của o.C. và bà C.g. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo phát biểu quan điểm: Chưa có đầy đủ tài liệu, chứng cứ quyền sử dụng đất đang tranh chấp mà o.C. được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. C.Ngjt và cụ Dụt là bố mẹ o.C. chết trước o.C., Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người được hưởng thừa kế của c.Ngjt và cụ Dụt vào tham gia tố tụng là vi phạm. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T. phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: C.Ngjt và cụ Dụt là bố mẹ o.C. đều chết sau o.C.. Hàng thừa kế thứ nhất của o.C. gồm c.Ngjt và cụ Dụt và các con của o.C.. Do c.Ngjt và cụ Dụt đã chết nên các con của 2 cụ sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của hai cụ để tham gia tố tụng. Tòa án không đưa các con của 2 cụ tham gia tố tụng là thiếu sót, cấp phúc thẩm không khác phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308BLTTDS hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện D.Pg.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh H.N.Vn, anh H.T.Dg, chị H.T.Hn, chị H.T.Nj là hợp pháp, trong thời hạn quy định của pháp luật. Anh H.N.Vn, chị H.T.Hn, chị H.T.Nj ủy quyền cho anh. Chị H.T.Hg, chị H.T.Th, chị H.T.Yn, chị

H.T.Lh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Ngày 03/01/2016 bà C.g có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp được giao chung với hộ gia đình do ông H.V.Ch. là chủ hộ đại diện. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà C.g có đơn sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện: Bà yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là 290m² đất thổ cư trên đất có nhà và công trình phụ; phần diện tích đất nông nghiệp, đất rau xanh được giao chung cùng với hộ gia đình bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nội dung: Ông H.V.Ch. (chết ngày 02/03/2004) có 02 vợ.

Vợ đầu là bà L.T.S (chết năm 1980). O.C., b.S. sinh được 05 người con là: H.T.Hn, H.T.Dg, H.T.N., H.T.Pg và H.N.Vn.

Bà T.T.Cg khai kết hôn với ông H.V.Ch. năm 1981, sau khi b.S. chết. O.C., bà C.g sinh được 04 người con: H.T.Hg, H.T.Th, H.T.Yn và H.T.Lh.

Về nguồn gốc tài sản:

- Theo bà C.g thì vợ chồng có 290m² đất thổ cư trên đất có 04 gian nhà cấp bốn, bếp, công trình phụ tại thửa đất số 282, tờ bản đồ 03 Cụm 4, xã T.Xn đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1987 mang tên ông H.V.Ch.. Nguồn gốc đất là của c.Ngj (bố đẻ o.C.) cho năm 1984. Sau khi được c.Ngj cho đất, bà cùng o.C. đã xây dựng 04 gian nhà cấp bốn và các công trình trên đất, sinh sống ở đó cho đến nay.

- Theo các con của o.C. b.S.: diện tích đất 290m² bà C.g đang sử dụng là của c.Ngj. Về 04 gian nhà cấp bốn cùng công trình trên đất là do o.C., bà C.g xây dựng.

* Tại công văn số: 1607/UBND - TNMT ngày 18/12/2017 của UBND huyện D.Pg cung cấp hồ sơ cho Tòa án nhân dân T. phố Hà Nội, với nội dung:

- Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1967 do UBND xã T.Xn lưu trữ thể hiện: Thửa đất số 224, tờ bản đồ 03, diện tích 650 m² thể hiện chủ sử dụng đất là đất ao + 5%.

- Theo sổ mục kê kiểm kê ruộng đất năm 1978 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D.Pg lưu trữ thể hiện: Thửa số 224, tờ bản đồ 03, diện tích 650 m² trong đó đất 5% 360 m², đất ao 290 m² chủ sử dụng Ngộ ao + 5%.

- Theo bản đồ, sổ mục kê năm 1987 do UBND xã T.Xn lưu trữ thể hiện: Thửa đất số 282, tờ bản đồ 03, diện tích 650 m² (trong đó có 360 m² đất 5% và 290 m² đất ở) chủ sử dụng là ông Hoàng Văn Châu.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “ xác định o.C. là người được c.Ngj cho 290m² đất. Tại thời điểm c.Ngj cho o.C. đất, bà C.g là vợ của o.C.. Theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 thì bà C.g và o.C. có quyền sở hữu, sử dụng ngang nhau khối tài sản này, vì vậy xác định 290m² đất cùng 04 gian nhà cấp bốn và

các công trình trên đất, cây cối là tài sản chung của o.C., bà C.g. Ông bà cùng có công sức tạo dựng khối tài sản như nhau, vì vậy ông bà sẽ được sở hữu, sử dụng ngang nhau, cụ thể mỗi người được hưởng 1/2 (bao gồm 1/2 đất và 1/2 tài sản trên đất)”.

Diện tích đất này năm 1978 đứng tên c.Ngj (bố o.C.), năm 1987 đứng tên o.C., đến năm 1988 thì o.C. được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất đối với 290 m² đất ở tờ bản đồ số 3, thửa số 282, xứ đồng Đạc 7 xã T.Xn, D.Pg, Hà Nội.

Do o.C. đã chết và không có di chúc, nên phải đưa những người được hưởng thừa kế của o.C. vào tham gia tố tụng, với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ đối với phần di sản của o.C. để lại, khi Tòa án quyết định phần tài sản của o.C. là bao nhiêu trong khối tài sản chung giữa o.C. và bà C.g.

Tại Tòa án nhân dân T. phố Hà Nội, bị đơn xuất trình giấy chứng tử của c.Ngjt và cụ Dụt. Theo Giấy chứng tử, o.C. chết ngày 02/3/2004. Cụ H.V.Nj bố o.C. chết ngày 02/10/2007, cụ T.T.Dt mẹ o.C. chết ngày 30/12/2004. Như vậy, o.C. chết trước bố mẹ và không để lại di chúc. Căn cứ Điều 639 BLDS 1995, Điều 636 BLDS 2005, Điều 614 BLDS 2015 quy định về thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế: Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Căn cứ Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bố, mẹ o.C. là những người được thừa kế di sản của o.C., theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Khi giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm chỉ đưa các con của o.C. là những người thừa kế của o.C. mà không đưa c.Ngjt và cụ Dụt vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Do c.Ngjt và cụ Dụt đã chết nên phải đưa những người thừa kế của hai cụ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tài sản do o.C. đã chết để lại.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người được hưởng thừa kế của c.Ngjt, cụ Dụt là bà H.T.G, ông H.V.Sn., bà H.T.Cs, H.T.Ln. có lời khai xác định nhà đất bà C.g yêu cầu chia tài sản chung không phải là tài sản chung của o.C. và bà C.g, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.g. Diện tích nhà đất này các ông bà có quyền lợi nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đến và không có quyền kháng cáo nên đề nghị hủy án để được tham gia từ cấp sơ thẩm, thực hiện các quyền về tài sản của họ theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của c.Ngjt, cụ Dụt vào tham gia tố tụng là thiếu sót nghiêm trọng, mặt khác những người này yêu cầu được tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi của họ, do vậy cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện D.Pg, T. phố Hà Nội. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T. phố Hà Nội phù hợp với

nhận định của Hội đồng xét xử.

Do hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.Pg, T. phố Hà Nội nên các anh V.n, Dũng, c.Hn, c.Nj không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D.Pg, T. phố Hà Nội xét xử vụ án tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và đòi quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà T.T.Cg và bị đơn anh H.N.Vn; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện D.Pg, T. phố Hà Nội để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hoàn trả anh H.N.Vn, chị H.T.Nj, anh H.T.Dg, chị H.T.Hn mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AM/2010/0005550; AM/2010/0005549; AM/2010/0005548; AM/2010/0005547 ngày 04/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.Pg, T. phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện D.Pg;
- Chi cục THADS huyện D.Pg;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Tiến Dũng